TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:70/2023/DS-ST Ngày: 20 - 12 - 2023 V/v "Tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất "	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên toà:Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15, 20 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 68/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 835/2023/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 990/2023/QĐST-DS ngày 31/8/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1114 /2023/QĐST –DS ngày 25/9/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 1585/TB-TA ngày 16/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1622/2023/QĐST-DS ngày 17/11/2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L- sinh năm 1968;
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
Có mặt

2/Bị đơn: Ông Huỳnh D -sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị N -sinh năm 1945
- Ông Huỳnh Quang V -sinh năm 1949
- Bà Huỳnh Thị Hồng V1 -sinh năm 1956
- Bà Phạm Thị N1 - sinh năm 1971
- Cháu Huỳnh Linh S – sinh năm 2008
- Cháu Huỳnh Minh T - sinh năm 2009

Người đại diện theo pháp luật của cháu S, cháu T có ông Huỳnh D và bà Phạm Thị N1 (là cha mẹ của cháu Huỳnh Linh S, cháu Huỳnh Minh T)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Các ông bà N, V, V1, N1 và các cháu S, T vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu S, cháu T: Trần Việt N2 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ 63 đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- Anh Huỳnh Cảnh T1 – sinh năm 1992
- Anh Huỳnh Cảnh L1 – sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Anh T1, anh L1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện; đơn khởi kiện bổ sung; bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Cha mẹ bà L là cụ Huỳnh C và cụ Trần Thị M. Cụ Huỳnh C lập gia đình với cụ Trần Thị S1 và sinh hạ được 03 người con: Huỳnh Thị N - sinh năm 1945, Huỳnh Quang V - sinh năm 1949, Huỳnh Thị Hồng V1 - sinh năm 1956. Sau khi cụ S1 qua đời, cha bà mới kết hôn với mẹ bà là cụ Trần Thị M và có 02 người con: Ông Huỳnh D - sinh năm 1965 và bà Huỳnh Thị Lê .

Trước đây, cụ C và cụ M tạo lập được 01 mảnh vườn tại thửa 572 tờ bản đồ số 5 phường P diện tích 700m^2 . Nguyên thửa đất 572 tờ bản đồ số 05 phường P (Nay thửa 887, 888 tờ bản đồ số 05 phường P) diện tích 770m^2 sau khi trừ 200m^2 đất ở, diện tích còn lại được cân đối theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho hộ bà Trần Thị M. Tại thời điểm cân đối hộ bà Trần Thị M có 04 nhân khẩu gồm: bà Trần Thị M, ông Huỳnh D, bà Huỳnh Thị L và Huỳnh Cảnh T1.

Năm 2006, cụ C qua đời, không để lại di chúc. Năm 2011, mẹ bà là cụ Trần Thị M cùng ông Huỳnh D thống nhất có cho bà 109m^2 để làm nhà và bà đã kê khai, được UBND thị xã Đ cấp Giấy CNQSĐ đất số BE 000848, số vào sổ CH.00132 cấp ngày

29/7/2011 thuộc thửa đất 887, bản đồ 5 phường P. Phần còn lại, mẹ bà kê khai đăng ký và được UBND thị xã Đ cấp Giấy CNQSĐ đất số BE 000914, số vào sổ CH.00099 cấp ngày 01/4/2011 thuộc thửa đất 888, bản đồ 5, diện tích 661m^2 phường P (qua kết quả đo đạc diện tích còn 600,2m^2)

Do điều kiện sống khó khăn cần một khoảng diện tích để xây dựng công trình phụ để nuôi heo, bò nên đã thương thảo với ông D để cho bà 100m^2 để xây dựng công trình phụ nhưng ông D không đồng ý. Vụ việc đã được hòa giải tại UBND phường P, khi hòa giải thì các con đời trước của cha bà từ chối nhận di sản và đồng ý giao cho bà và ông D tự thỏa thuận phân chia nhưng ông D không thống nhất.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị L yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà (cụ Huỳnh C và Trần Thị M) và chia tài sản chung là thửa đất 888 tờ bản đồ 5, diện tích 600,2m^2 phường P cho bà được nhận 300m^2. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Lê c đề nghị được nhận phần đất phía Bắc - từ vách nhà ông D chừa ra 0,5m đến thửa đất 887 của bà diện tích khoản 176,2m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở và 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm) để thuận tiện trong việc sử dụng đất. Phần đất bà nhận thì bà sẽ thối lại giá trị cây cho vợ chồng ông D. Riêng 02 cây rơm thì ông D tự tháo dỡ. Đối với chuồng bò của bà làm trên phần đất mà giao cho ông D thì bà Lê t tháo dỡ. Đối với 01 giếng đóng của vợ chồng ông Huỳnh D nằm trong phần đất ở phía Bắc thửa đất số 888 nhưng không xác định vị trí cụ thể mà Tòa án giao cho bà thì ông D tự tháo dỡ và bà sẽ hỗ trợ tiền công tháo dỡ cho vợ chồng ông D là 500.000 đồng.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc và tại phiên tòa ngày 19/9/2023 ông Huỳnh D trình bày:

Ông D thống nhất về quan hệ huyết thống; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ M như nguyên đơn trình bày.

Cụ C chết năm 2006, cụ M chết năm 2013, không có để lại di chúc. Nguồn gốc thửa đất 888 tờ bản đồ số 05 phường P là của ông bà nội để lại cho cha mẹ ông ở và được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất cho mẹ ông là Trần Thị M. Đồng thời, mẹ ông tách thửa đất của ông bà để lại cho bà L 109m^2. Việc cho đất này có cụ M, ông và bà Lê c1 thống nhất. Phần còn lại là thửa 888 tờ bản đồ số 05 phường P diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 661m^2 (qua kết quả đo đạc 600,2m^2 thì ông thống nhất không có ý kiến gì). Lúc mẹ ông còn sống đã cho ông ở và thờ cúng ông bà. Việc cho đất chỉ nói miệng chứ ông không có tài liệu chứng cứ gì. Hiện thửa đất 888 tờ bản đồ số 5 phường P do ông và vợ con ông cùng quản lý sử dụng. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà, nhà tạm và cây cối là của gia đình ông; 01 chuồng bò của bà Lê

Ông Dần không đồng ý với yêu cầu của bà L. Vì vào năm 2011 mẹ ông đã cắt đất cho bà L (nay là thửa 887). Tuy nhiên, vì chỗ anh em nên ông đồng ý cho thêm bà D1 60m^2 (chiều ngang 3m, chiều dài 20m) giáp nhà bà L. Trường hợp, Tòa án có căn cứ chia di sản của cha mẹ ông thì ông yêu cầu Tòa án tính công sức chăm sóc mẹ khi còn sống, quản lý di sản và thờ cúng.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N1 trình bày: Bà Phạm Thị N1 là vợ của ông Huỳnh D, bà và ông D kết hôn vào năm 2007. Khi bà về làm dâu thì cụ C đã chết. Đến năm 2013 thì cụ Trần Thị M. Bà Phạm Thị N1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông D.

4/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N, Huỳnh Quang V, Huỳnh Thị Hồng V1 trình bày: Ông V, bà N, bà V1 là anh, chị em cùng cha khác mẹ của ông D và bà L.

Cha của ông, bà là cụ Huỳnh C và cụ Trần Thị S1. Sau khi mẹ của các ông, bà chết (không rõ chết năm nào), cụ C cưới cụ M và có với nhau 02 người con là ông Huỳnh D, bà Huỳnh Thị Lê . Cụ C chết 2007, cụ M chết 2013.

Nguồn gốc của thửa đất 888 tờ bản đồ số 5 phường P là của cụ Huỳnh C và cụ Trần Thị M tạo lập. Đối với phần thừa kế mà các ông, bà được hưởng của cụ Huỳnh C để lại tại thửa đất 888 tờ bản đồ số 5 phường P thì ông, bà từ chối nhận di sản; ông, bà đề nghị chia thửa đất 888 cho bà L và ông D theo quy định của pháp luật.

5/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Cảnh T1 trình bày: Anh Huỳnh Cảnh T1 là con của Huỳnh Thị Lê . Nguyên thửa đất 572 tờ bản đồ số 05 phường P (nay thửa 887, 888 tờ bản đồ số 05 phường P) diện tích 770m^2, sau khi trừ 200m^2 đất ở thì diện tích còn lại được cân đối theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho hộ bà Trần Thị M. Tại thời điểm cân đối hộ bà Trần Thị M gồm có 04 nhân khẩu gồm bà Trần Thị M, ông Huỳnh D, bà Huỳnh Thị L, anh Huỳnh Cảnh T1. Đối với phần đất của anh được cấp theo Nghị định 64/Cp thì anh đồng ý giao lại cho mẹ là bà Huỳnh Thị Lê t1 quyền định đoạt, anh cũng đồng ý theo ý kiến của bà Huỳnh Thị L là nhận phần đất phía Bắc, từ vách nhà ông D chừa ra 0,5m đến thửa đất 887 có diện tích khoản 176.2m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở và 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác

6/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Cảnh L1 trình bày: Anh Huỳnh Cảnh L1 là con của Huỳnh Thị Lê . Anh Huỳnh Cảnh L1 không có ý kiến gì, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 207, 219, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Xác định di sản thừa kế của cụ Huỳnh C và cụ Trần Thị M tại thửa đất số 888, bản đồ số 5 phường P là 225,05m^2 đất, trong đó: 125m^2 đất ở; phần đất 375,15m^2 còn lại là tài sản chung của ông D, bà L, ông T1.

Chia di sản của cụ C, cụ M làm 03 kỷ phần: (225,05m^2 : 3) = 75,016m^2, trong đó: Nguyên đơn bà L được nhận 01 kỷ phần là 75,016m^2, trong đó: 41,6m^2 đất ở; bị đơn ông D được 02 kỷ phần là 150,034m^2, trong đó: 83,4m^2 đất ở.

+ Theo quy định thì nguyên đơn được chia tài sản chung và di sản thừa kế tại thửa 888, bản đồ 05 là 325,116m^2, trong đó: 91,6m^2 đất ở. Tuy nhiên tại phiên toà, bà Huỳnh Thị Lê c2 yêu cầu được nhận phần đất phía Bắc thửa 888 từ vách nhà ông D chừa ra 0,5m đến thửa đất 887 của bà là 176,2m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở và 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác) nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh Cảnh T1 về việc được nhận phần đất phía Bắc thửa 888 – từ vách nhà ông D chừa ra 0,5m đến thửa đất 887 của bà là 176,2m^2 (trong đó có 50m2 đất ở và 126,2m2 đất trồng cây hàng năm khác)

Bà L có trách nhiệm thối lại giá trị cây cối, công trình phụ trên phần đất được nhận cho ông D; tháo dỡ chuồng bò của bà trên phần đất được chia cho ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1]Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lê khởi k ông Huỳnh D ở tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ để yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế tại thửa đất 888, bản đồ 5 phường P. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp về chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất".

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản: Cụ Huỳnh C chết vào năm 2007, cụ Trần Thị M chết năm 2013 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế vẫn còn.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị L yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà (cụ Huỳnh C và Trần Thị M) và chia tài sản chung là thửa đất 888, bản đồ 5, diện tích 600,2m^2 phường P cho bà được nhận 300m^2. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu là chỉ đề nghị được nhận phần đất phía Bắc - từ vách nhà ông D chừa ra 0,5m đến thửa đất 887 của bà diện tích 176,2m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở và 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác) để thuận tiện trong việc sử dụng đất. Việc thay đổi yêu cầu cầu nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện nên được chấp nhận.

[1.5] Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

[2] Về nội dung: **Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thì thấy rằng:**

[2.1] Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế: Trong qúa trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất cụ Huỳnh C và cụ Trần Thị S1 có 03 người con chung gồm Huỳnh Quang V, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị Hồng V1. Sau khi cụ S1 chết thì cụ Huỳnh C sống chung với cụ Trần Thị M có 02 người con chung là ông Huỳnh D và bà Huỳnh Thị Lê . Như vậy cụ Huỳnh C có những người thừa kế là: Huỳnh Quang V, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị Hồng V1, Huỳnh Thị L, Huỳnh D. Cụ Trần Thị M có những người thừa kế: Huỳnh Thị L và Huỳnh D. Ngoài ra, vợ chồng cụ C, cụ M không còn người thừa kế nào khác.

[2.2] Về nguồn gốc đất: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận thửa đất 572, bản đồ 5 phường P *(nay là thửa 887 và 888, bản đồ 5)* là tài sản chung của cụ Huỳnh C, cụ Trần Thị M. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đất, thực hiện chính sách đất đai thì thửa đất 572 là được cân đối chia ruộng đất theo Nghị định 64/CP cho hộ cụ Trần Thị M vào năm 1994 - 1995; tại thời điểm cân đối hộ cụ M có 04 nhân khẩu gồm: Trần Thị M, Huỳnh D, Huỳnh Thị L, Huỳnh Cảnh T1. Đến năm 2006 thì Ủy ban nhân dân huyện Đ (Nay là thị xã Đ) cấp Giấy CNQSD đất tại thửa 572 có diện tích 770m^2, trong đó: 200m^2 đất ở cho cụ Trần Thị M.

Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp, Nghị định này không áp dụng đất ở. Do đó, 200m^2 đất ở tại thửa đất 572 là tài sản của cụ C và cụ M để lại là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với diện tích 570m^2 đất nông nghiệp (BHK) là tài sản chung của Trần Thị M, Huỳnh D, Huỳnh Thị L và Huỳnh Cảnh T1.

Năm 2011, cụ Trần Thị M tiến hành tách thửa 572 thành 02 thửa đất: thửa 887 có diện tích 109m^2, trong đó: 100m^2 đất ở. Hiện thửa 887 tờ bản đồ số 5 phường P đã tặng cho bà Huỳnh Thị Lê . Khi bà Trần Thị M tặng cho bà Huỳnh Thị Lê t2 bị đơn ông Huỳnh D và các đương sự khác không có tranh chấp hay có yêu cầu gì.

Đối với Thửa 888 tờ bản đồ số 05 có diện tích 661m^2, trong đó: 200m^2 đất ở *(đo đạt thực tế là 600,2m^2)*, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì về kết quả đo đạc và thống nhất diện tích thửa đất 888 tờ bản đồ số 5 phường P là 600,2m^2.

Do đó thửa đất số 888 tờ bản số 05 phường P có 100m^2 đất ở là tài sản chung của cụ C, cụ M. Vì vậy mỗi người được 50m^2 đất ở. Đối với 500,2m^2 còn lại, trong đó 100m^2 đất ở là tài sản chung của cụ Trần Thị M, ông Huỳnh D, Huỳnh Thị L, Huỳnh Cảnh T1 nên mỗi người được nhận là: 500,2m^2: 4= 125,05m^2, trong đó có 25m^2 đất ở.

Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế của cụ Huỳnh C, cụ Trần Thị M chết để lại và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa 888 tờ bản đồ số 05 phường P là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về di sản của Huỳnh C, cụ Trần Thị M: Tại thửa đất 888 tờ bản đồ số 05 phường P như đã phân tích tại phân [2.2] thì di sản của cụ Huỳnh C chết để lại là 50m^2 đất ở, di sản của cụ Trần Thị M chết để lại là 175m^2, trong đó có 75m^2 đất ở và 100m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

[4] Về cách chia:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Huỳnh Quang V, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị Hồng V1 từ chối nhận di sản của cụ Huỳnh C để lại. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh C và Trần Thị M là bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh D nên di sản được xem xét chia làm 02 kỷ phần bằng nhau. Tuy nhiên, bị đơn ông D là người sống với vợ chồng C từ nhỏ, chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già cho đến khi qua đời, có công giữ gìn tài sản và thực hiện việc thờ cúng nên xem xét chia cho bị đơn ông D nhiều hơn 01 kỷ phần so với bà Huỳnh Thị Lê . Vì vậy, di sản của vợ chồng cụ C và cụ M được chia làm 03 kỷ phần: (225,05m^2 : 3) = 75,016m^2; Nguyên đơn bà L được nhận 01 kỷ phần là 75,016m^2, trong đó: 41,6m^2 đất ở; bị đơn ông D được 02 kỷ phần là 150,034m^2, trong đó: 83,4m^2 đất ở.

Ngoài phần di sản bà L được hưởng của cụ C và cụ M thì bà L còn nhận thêm phần đất cân đối theo Nghị định 64/CP của bà và của ông Huỳnh Cảnh T1 tại thửa đất 888 tờ bản đồ số 5. Nên diện tích bà L được nhận tại thửa 888 là (125,05m^2 + 125,05m^2 + 75,016m^2) = 325,116m^2 (trong đó: 91,6m^2 đất ở 233,516m^2 đất trồng cây hàng năm khác)

Tuy nhiên tại phiên tòa, bà Lê c2 đề nghị được nhận phần đất của bà và con bà là phía Bắc - từ vách nhà ông D chừa ra 0,5m đến thửa đất 887 của bà có diện tích 176,2m^2 (trong đó 50m^2 đất ở và 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác) để thuận tiện trong việc sử dụng đất, ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm. Bà Huỳnh Thị L đồng ý thối lại giá trị của cây cối, vật kiến trúc trên phần đất mà bà được nhận cho ông D và tháo dỡ chuồng bò của bà trên phần đất chia cho ông D.

Do đó việc bà Huỳnh Thị D2 chỉ yêu cầu được nhận diện tích 176,2m^2 trong đó có 50m^2 đất ở và 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm để thuận tiện trong việc sử dụng là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Cụ thể chia và giao cho bà Huỳnh Thị L:

Chia và giao cho bà Huỳnh Thị L được nhận phần đất có diện tích 176,2m^2 (Ký hiệu A1 giới hạn từ 1,2,3,T2,T1,12, trong đó có 50m^2 đất ở và 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác) có giới cận phía Bắc giáp thửa đất 887, phía Tây giáp đường đi; phía Đông giáp thửa đất 573; phía Nam giáp thửa đất giao cho anh Huỳnh D2. Tài sản trên đất gồm có: 01 bụi chuối khoảng 100 cây, 03 cây xoài, 01 cây câu, 02 cây bưởi, 01 cây mít, 01 cây đu đủ.

Đối với 02 cây rơm và 01 giếng đóng của vợ chồng ông Huỳnh D2 (giếng đóng nằm trong phần đất được chia cho bà L nhưng không xác định vị trí cụ thể) thì vợ chồng ông D2 có trách nhiệm tháo dỡ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật để trả lại đất cho bà L.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo, là bộ phận không thể tách rời của bản án)

Bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm thối lại cho vợ chồng ông Huỳnh D2, bà Phạm Thị N1 giá trị tài sản trên đất gồm: bụi chuối khoảng 100 cây giá 1.000.000đồng (Giá hai bên thỏa thuận); 03 cây xoài có giá 20.000 đồng/cây x 03 = 60.000đồng; 01 cây đu đủ giá 50.000đồng; 01 cây mít giá 50.000 đồng; 02 cây bưởi giá 250.000đồng/cây x 02 = 500.000đồng. Tổng cộng bà Huỳnh Thị Lê t3 lại giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng ông Huỳnh D2, bà Phạm Thị N1 là 1.660.000đồng (Một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn)

Đối với 01 giếng đóng (không xác định vị trí cụ thể) của vợ chồng ông Huỳnh D2 nằm ở phần đất được giao cho bà L. Trong quá trình giải quyết các bên thống nhất không tính giá trị. Tuy nhiên bà Lê tự n hỗ trợ tiền công tháo dỡ cho vợ chồng ông D2 500.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này của bà Lê

Theo kết quả định giá thì giá trị đất bà Huỳnh Thị L được nhận: 50m^2 đất ở x 320.000đồng/m^2=16.000.000đồng; 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm x 42.000đồng/m^2 = 5.300.400đồng. Tổng giá trị đất bà L được nhận là: 21.300.400đồng.

[4.3] Chia cho ông Huỳnh D2:

Chia và giao cho ông Huỳnh D2 được nhận phần đất có diện tích 424m^2 (ký hiệu A2 được giới hạn từ T2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, T1; trong đó có 150m^2 đất ở và 274 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) có giới cận phía Bắc giáp đất giao cho bà Huỳnh Thị L, phía Tây giáp đường đi, phía Nam giáp thửa đất 619; phía Đông giáp thửa đất 573. Trên phần đất chia cho ông Huỳnh D2 có các tài sản của gia đình ông Huỳnh D2 gồm: 01 nhà cấp 4 có diện tích 69m^2 (ký hiệu g); 01 mái hiên có diện tích 14,6m^2 (ký hiệu h); 01 mái hiên có hiện tích 52,4m^2 (ký hiệu h1); 01 mái hiên có diện tích 25,1m^2 (ký hiệu h2); 01 mái hiện có diện tích 8,4m^2 (ký hiệu h3); 01 chuồng gà có diện tích 3,9m^2 (ký hiệu C1); Bụi chuối 7 bụi; 02 bụi tre; 01 cây bưởi; 01 cây mai; 01 cây mãng cầu; 02 cây câu; 01 cây bơ; 01 cây ổi; 02 cây đinh lăng; 01 mô tơ hút từ 01 giếng đóng không xác định được vị trí (giếng đóng nằm ở phần đất giao cho bà L)

Ngoài ra trên phần đất giao cho ông Huỳnh D2 có 01 chuồng bò của bà Huỳnh Thị Lê c3 diện tích 18,6m^2 (ký hiệu C). Bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm tháo dỡ chuồng bỏ để trả lại đất cho ông Huỳnh D2 ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo, là bộ phận không thể tách rời của Bản án)

Theo kết quả định giá thì giá trị đất ông Huỳnh D2 được nhận: 150m^2 đất ở x 320.000 đồng/m^2= 48.000.000đồng; 274m^2 đất trồng cây hàng năm x 42.000 đồng/m^2=11.508.000đồng. Tổng giá trị đất ông Huỳnh D2 được nhận là: 59.508.000đồng

[6] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạt và chi phí thẩm định giá bà Huỳnh Thị L đã nộp tổng cộng là 12.000.000đồng (trong đó chi phí đo đạc 7.000.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chổ 2.000.000 đồng, chi phí định giá 3.000.000 đồng). Bà Huỳnh Thị L yêu cầu ông Huỳnh D2 có trách nhiệm thối lại cho bà 6.000.000 đồng. Nên ông Huỳnh D2 có trách nhiệm trả lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí bà Huỳnh Thị Lê p chịu đối với phần đất được nhận 176,2m^2 có giá 21.300.400 đồng. Nên án phí bà Huỳnh Thị L được nhận là: 21.300.400 đồng x 5% = 1.065.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng). Được khấu trừ 2.125.000 đồng mà bà L đã nộp tại biên lai số 0002239 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền 1.060.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng)

Ông Huỳnh D2 phải chịu án phí đối với phần được chia: 424m^2 có giá 59.508.000 đồng. Nên án phí ông Huỳnh D2 phải chịu là 59.508.000 đồng x 5% = 2.975.400 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165, Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 207; Điều 219; Điều 613, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 166, Điều 167, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L

- Chia và giao cho bà Huỳnh Thị L được nhận phần đất có diện tích 176,2m^2 (Ký hiệu A1 giới hạn từ 1,2,3,T2,T1,12, trong đó có 50m^2 đất ở và 126,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác) có giới cận phía Bắc giáp thửa đất 887, phía Tây giáp đường đi; phía Đông giáp thửa đất 573; phía Nam giáp thửa đất giao cho anh Huỳnh D2. Tài sản trên đất gồm có 01 bụi chuối khoảng 100 cây, 03 cây xoài, 01 cây câu, 02 cây bưởi, 01 cây mít, 01 cây đu đủ.

Ông Huỳnh D2, bà Phạm Thị N1 có trách nhiệm tháo dỡ 02 cây rơm, 01 giếng đóng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật để trả lại đất cho bà L.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo, là bộ phận không thể tách rời của Bản án)

- Chia và giao cho ông Huỳnh D2 được nhận phần đất diện tích 424m^2 (Ký hiệu A2 được giới hạn từ T2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, T1; trong đó có 150m^2 đất ở và 274 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) có giới cận phía Bắc giáp đất giao cho bà Huỳnh Thị L, phía Tây giáp đường đi, phía Nam giáp thửa đất 619; phía Đông giáp thửa đất 573. Trên phần đất chia cho ông Huỳnh D2 có các tài sản của gia đình ông Huỳnh D2 gồm: 01 nhà cấp 4 có diện tích 69m^2 (ký hiệu g); 01 mái hiên có diện tích 14,6m^2 (ký hiệu h); 01 mái hiên có hiện tích 52,4m^2 (ký hiệu h1); 01 mái hiên có diện tích 25,1m^2 (ký hiệu h2); 01 mái hiện có diện tích 8,4m^2 (ký hiệu h3); 01 chuồng gà có diện tích 3,9m2 (ký hiệu C1); Bụi chuối 7 bụi; 02 bụi tre; 01 cây bưởi; 01 cây mai; 01 cây mãng cầu; 02 cây câu; 01 cây bơ; 01 cây ổi; 02 cây đinh lăng; 01 mô tơ hút từ 01 giếng đóng (Giếng đóng không xác định được vị trí nằm trong phần đất được giao cho bà L)

Bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm tháo dỡ chuồng bò (ký hiệu C) để trả lại đất cho ông Huỳnh D2 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo, là bộ phận không thể tách rời của bản án)

Bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm thối lại cho vợ chồng ông Huỳnh D2, Phạm Thị N1 giá trị tài sản cây trên đất là 1.660.000 đồng (Một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) và hỗ trợ tiền công tháo dỡ giếng đóng 500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ, đo đạt và chi phí thẩm định giá bà Huỳnh Thị L đã nộp tổng cộng là 12.000.000 đồng (trong đó chi phí đo đạc 7.000.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chổ 2.000.000 đồng, chi phí định giá 3.000.000 đồng). Nên buộc ông Huỳnh D2 có trách nhiệm trả lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Huỳnh Thị Lê p chịu 1.065.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 2.125.000 đồng mà bà L đã nộp tại biên lai số 0002239 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền 1.060.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi ngàn)

Ông Huỳnh D2 phải chịu 2.975.400 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh D2, ông Huỳnh Quang V, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị Hồng V1, bà Phạm Thị N1, anh Huỳnh Cảnh T1, anh Huỳnh Cảnh L1, cháu Huỳnh Linh S, cháu Huỳnh Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Minh Kha

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.